

MA TRẬN ĐỀ

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung		Số câu	Cấp độ tư duy						
					Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
					Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản đọc hiểu	Văn bản văn học Truyện ngắn / thơ hiện đại	5	2	10 %	2	20 %	1	10 %	40 %
II	Năng lực Viết	Nghị luận văn học Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về một tác phẩm văn học (truyện ngắn / thơ hiện đại)			5 %		5 %		10 %		20 %
		Nghị luận xã hội Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ) về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.			7,5 %		10 %		22,5 %		40 %
Tỉ lệ %					22,5 %		35 %		42,5 %		100 %
Tổng				7	100 %						

BẢN ĐẶC TẢ YÊU CẦU CÁC KĨ NĂNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tỉ lệ %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	1. Đọc hiểu	Thơ hiện đại	- Nhận biết: + Xác định được thể thơ, chủ đề, đề tài... + Xác định từ ngữ thể hiện nội dung bài thơ. - Thông hiểu: + Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật. + Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ. + Phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật thơ + Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục mạch cảm xúc, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.. - Vận dụng: + Nhận xét về nội dung và hình thức của văn bản/đoạn trích. + Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ. + Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận, vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận VH để đánh giá giá trị TP. + Rút ra thông điệp /bài học cho bản thân. Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân sau khi đọc tác phẩm văn học.	2	2	1	40%
2	Viết	1. Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích/cảm nhận một khía cạnh nội dung,	- Nhận biết: + Giới thiệu được vấn đề cần triển khai. + Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận. + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Thông hiểu: + Trình bày được những cảm nhận của bản thân về nội dung và nghệ thuật của văn bản. + Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic.	THEO MA TRẬN			20%

		nghệ thuật của văn bản thơ ở phần Đọc hiểu.	- Vận dụng: + Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức của văn bản + Nêu được những bài học rút ra từ văn bản. + Thể hiện rõ ràng, sâu sắc quan điểm, cảm nghĩ, cá tính trong bài viết. + Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt, sử dụng kết hợp phương thức biểu cảm để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết. + Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic.		
		2. Viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 600 chữ).	- Nhận biết: + Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. + Xác định rõ được vấn đề cần giải quyết và mục đích giải quyết vấn đề. + Giới thiệu được vấn đề cần giải quyết và mô tả được những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề trong bài viết. + Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. - Thông hiểu: + Giải thích được những khái niệm liên quan đến vấn đề cần giải quyết. + Triển khai vấn đề thành những luận điểm phù hợp. + Kết hợp lí lẽ, dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. + Kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận. + Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Vận dụng + Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của việc giải quyết vấn đề đối với con người, xã hội. + Nêu được bài học, những đề nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. + Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic. + Có dẫn chứng tiêu biểu, đúng thuần phong mỹ tục và pháp luật. Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. + Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm; vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn. + Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết về vấn đề xã hội.	THEO MA TRẬN 	

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TÁC ĐẤT THÀNH CỔ

- Phạm Đình Lân -

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời cũng tịt trong xanh và lộng gió
Dẫu ồn ào đừng lay mạnh hàng cây*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Thành cổ rộng sao đồng đội tôi nằm chặt
Mỗi tác đất là một cuộc đời có thật
Cho hôm nay tôi đến nghẹn ngào*

*Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi một ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông*

*Thấp một nén nhang và khóc ít thôi
Tôi thăm nhủ lòng mình như vậy
Để một phút lắng lòng nghe bạn gọi
Bạn nằm lại nơi nào bạn ơi?*

*Bạn nằm lại nơi đồng đất quê hương
Nơi chiến tuyến lẫn ranh sông Bến Hải
Súng trong tay và đôi mắt rực lửa
Trút hận xuống đầu thù rồi ngã xuống bình yên*

*Nhẹ bước chân và nói khẽ thôi
Cho đồng đội tôi nằm yên dưới cỏ
Trời Quảng Trị trong xanh và lộng gió
Ru mãi bài ca Bất tử đến vô cùng.*

(Tháng 7-2002)

Chú thích:

1. Nhà thơ Phạm Đình Lân đồng thời là cựu chiến binh từng tham gia chiến đấu gìn giữ thành cổ Quảng Trị.
2. Bài thơ *Tác đất thành cổ* ra đời trong một chuyến đi tình nghĩa. Hằng năm, vào tháng 7, những người lính sinh viên năm xưa quay lại chiến trường xưa để thăm viếng các đồng đội, các bạn học đã anh dũng hi sinh.

Thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1 (0,5 điểm). Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 2 (0,5 điểm). Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh gợi vùng đất Quảng Trị.

Câu 3 (1,0 điểm). Anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa của câu thơ sau: *Mỗi tác đất là một cuộc đời có thật?*

Câu 4 (1,0 điểm). Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của câu hỏi tu từ trong đoạn thơ sau:

*Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?
Phía đông thành, tây thành hay dưới dòng Thạch Hãn
Tám mươi mốt ngày đêm đất trời ken dày bom đạn
Cát trắng rang vàng, nghiêng lệch cả dòng sông.*

Câu 5 (1,0 điểm). Thông điệp nào trong bài thơ trên có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Anh/chị hãy viết đoạn văn (*khoảng 200 chữ*) cảm nhận về hai khổ thơ cuối trong ngữ liệu ở phần Đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm).

Trung úy Quách Minh Sơn, nguyên trinh sát của Sư đoàn 320 - một người lính trở về từ chiến trường miền Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ đã từng tâm sự: “Tự do, hòa bình không phải dễ...”.

Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (*khoảng 600 chữ*) trình bày suy nghĩ về vấn đề: **Người trẻ và cách ứng xử đúng đắn với quá khứ.**

---HẾT---

- Học sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người cựu chiến binh – người sống sót trở về từ chiến trường, đang tưởng niệm, tri ân đồng đội đã hy sinh tại Thành cổ Quảng Trị. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không giống như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	2	Những từ ngữ, hình ảnh gợi vùng đất Quảng Trị: “<i>Thành cổ</i>”, “<i>Thạch Hãn</i>”, “<i>Trời Quảng Trị</i>”, “<i>sông Bến Hải</i>”, “<i>đồng đất quê hương</i>”, “<i>cát trắng rang vàng</i>”. → Đây là những địa danh và hình ảnh đặc trưng gắn liền với chiến trường ác liệt Quảng Trị trong chiến tranh. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời 2 – 4 hình ảnh, từ ngữ: 0,25 điểm - Trả lời dưới 2 hình ảnh, từ ngữ hoặc không trả lời: 0,0 điểm	0,5
	3	Câu thơ “<i>Mỗi tấc đất là một cuộc đời có thật</i>” thể hiện: - Giá trị thiêng liêng của từng tấc đất Thành cổ Quảng Trị, nơi có biết bao người lính đã ngã xuống. - Không chỉ là mặt đất vô tri, mỗi tấc đất nơi đây chứa đựng máu xương, tuổi trẻ, linh hồn của những người lính – những cuộc đời sống động và đáng trân trọng. → Nhấn mạnh sự hy sinh to lớn và gợi nhắc người đọc biết ơn, không quên quá khứ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm - Trả lời được ý đúng nhưng không cụ thể, chi tiết: 0,5 điểm - Trả lời không giống như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0
	4	Biện pháp tu từ: Câu hỏi tu từ được sử dụng trong các dòng thơ: <i>Bạn nằm lại nơi này, nơi nao?</i> Tác dụng: - Thể hiện nỗi xót xa, tiếc thương và day dứt của người ở lại trước sự hi sinh anh dũng của người lính. - Gợi cảm giác mơ hồ, đau thương khi nơi an nghỉ của người lính không được xác định rõ ràng. - Tạo không khí trầm lắng, thiêng liêng, thể hiện sự thành kính và lòng biết ơn sâu sắc. - Là lời tự vấn đầy xúc động, góp phần thể hiện chủ đề tưởng nhớ và tri ân các anh hùng liệt sĩ. Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm - Trả lời được 1 ý như đáp án: 0,5 điểm. - Nêu tác dụng: 0,5 điểm - Trả lời không giống như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm	1,0

5	Thông điệp có ý nghĩa nhất: Ví dụ: - "Sự tri ân và tôn kính đối với những người lính đã hy sinh vì Tổ quốc không bao giờ là đủ, nhưng mỗi thế hệ cần sống chậm lại, biết ơn, và giữ gìn kỷ ức ấy." - Bởi: bài thơ không chỉ là tiếng nói cá nhân mà là lời nhắn gửi chung: khi sống trong hòa bình, mỗi người hãy biết trân quý, biết ơn sự hy sinh của cha anh. Đây là thông điệp nhân văn, nhắc nhở về đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Hướng dẫn chấm: - Trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm - Chỉ ra được một bài học như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời không giống như đáp án hoặc không trả lời: 0,0 điểm (Lưu ý: HS có thể có cách diễn đạt khác, nhưng hợp lý, thuyết phục thì vẫn cho điểm)	1,0
II	VIẾT Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về hai khổ thơ cuối. a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng- phân- hợp, móc xích hoặc song hành. b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Cảm nhận về hai khổ thơ cuối trong bài thơ: “Bạn nằm lại nơi đồng đất quê hương...” đến “Ru mãi bài ca bất tử đến vô cùng.” c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> Mở đoạn (Câu chủ đề): Hai khổ thơ cuối trong bài thơ “Nhẹ bước chân và nói khề thôi” đã đọng lại những cảm xúc sâu lắng, thiêng liêng về sự hi sinh cao cả của người lính và lòng tri ân của người sông. Thân đoạn (Triển khai các ý): - Hình ảnh người lính hiện lên bình dị mà hào hùng: chiến đấu quả cảm, cầm súng nơi chiến tuyến và ngã xuống trong bình yên. - Sự hóa thân của người lính vào quê hương: họ không chỉ nằm xuống mà còn hòa vào đất trời, sông núi – trở thành bất tử. - Không gian yên bình (“trời trong”, “gió lồng”) đối lập với chiến trường xưa, gợi cảm xúc biết ơn và niềm tự hào. - Điệp ngữ “Nhẹ bước chân...” lặp lại tạo kết cấu vòng tròn, gợi sự tôn nghiêm, khép lại bài thơ bằng âm hưởng thiêng liêng và bất tử. Kết đoạn (Khái quát, nâng cao): Hai khổ thơ cuối không chỉ là lời tri ân, mà còn nhấn nhủ thế hệ hôm nay sống xứng đáng với sự hi sinh của cha anh. d. <i>Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau</i> - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù	6,0 2.0 0.25 0.25 1.0 0.25

	hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa giữa lí lẽ và bằng chứng.	
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. <i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện được suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ	0.25
	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về vấn đề văn hóa ứng xử.	4.0
	<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội. <i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> Người trẻ và cách ứng xử đúng đắn với quá khứ.	0,25
	<i>c. Dàn ý cần đạt:</i> I. MỞ BÀI (0,25 điểm) - Dẫn dắt: Quá khứ là nền tảng hình thành hiện tại và định hướng tương lai. Người trẻ - thế hệ mang trọng trách dựng xây đất nước - cần có thái độ đúng đắn với quá khứ. - Nêu vấn đề: Bàn về người trẻ và cách ứng xử đúng đắn với quá khứ – một chủ đề mang ý nghĩa tư tưởng, đạo đức sâu sắc. II. THÂN BÀI (2,25 điểm) 1. Giải thích các khái niệm (0,5 điểm) - Quá khứ: Là những gì đã xảy ra trong lịch sử, bao gồm cả quá khứ cá nhân và quá khứ dân tộc (chiến tranh, hy sinh, thành tựu, bài học...). - Ứng xử đúng đắn với quá khứ: Là thái độ biết trân trọng, học hỏi, ghi nhớ công lao, rút kinh nghiệm; không phủ nhận, lãng quên hay bóp méo sự thật. 2. Tầm quan trọng của việc ứng xử đúng đắn với quá khứ (0,75 điểm) Giúp người trẻ: - Nhận thức sâu sắc về cội nguồn, về những hi sinh của cha ông. - Biết trân trọng những giá trị văn hóa – lịch sử. - Học được bài học quý báu từ sai lầm, thành tựu trong quá khứ để xây dựng tương lai tốt đẹp hơn. - Hình thành nhân cách sống có đạo đức, lòng biết ơn, trách nhiệm với đất nước. 3. Biểu hiện của ứng xử đúng đắn với quá khứ ở người trẻ (0,5 điểm) - Chủ động tìm hiểu lịch sử dân tộc, biết ơn thế hệ đi trước. - Tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, tưởng niệm anh hùng liệt sĩ. - Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. - Biết học từ quá khứ nhưng không bị ràng buộc hay hoài cổ cực đoan. - Phê phán những hành vi xuyên tạc, phủ nhận, chế giễu lịch sử. 4. Hiện tượng lệch lạc trong cách ứng xử với quá khứ của một số người trẻ (0,25 điểm) - Thờ ơ với lịch sử, thiếu hiểu biết hoặc bàng quan trước công lao cha ông. - Chạy theo trào lưu hiện đại mà quay lưng với văn hóa truyền thống. - Tham gia lan truyền thông tin sai lệch, chế giễu quá khứ trên mạng xã	2,75
2		

	hội. → Hậu quả: mất gốc, dễ bị dẫn dắt, đánh mất bản sắc và lòng tự tôn dân tộc. 5. Giải pháp (0,5 điểm) - Giáo dục lịch sử, truyền thống dân tộc từ gia đình, nhà trường, truyền thông. - Đổi mới cách tiếp cận lịch sử để gần gũi, hấp dẫn với giới trẻ. - Người trẻ cần nâng cao nhận thức, chủ động học hỏi, có trách nhiệm gìn giữ giá trị quá khứ. - Xây dựng môi trường xã hội tôn trọng sự thật lịch sử, đề cao văn hóa truyền thống. III. KẾT BÀI (0,25 điểm) - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc ứng xử đúng đắn với quá khứ. - Kêu gọi người trẻ phát huy vai trò, sống biết ơn – có trách nhiệm – tự hào về truyền thống dân tộc để xây dựng tương lai vững chắc.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau</i> - Lựa chọn được thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Thí sinh có thể đề xuất quan điểm theo nhiều góc nhìn cá nhân nhưng cần phù hợp với nội dung, tư tưởng đoạn trích.	0,25
	<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện được suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm		10,0

---HẾT---

